

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74 /2019/HNGĐ - ST

Ngày: 21-6-2019

V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thành Được – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1975

Địa chỉ: số 29 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1972

Địa chỉ: số 73/5 ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/02/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh H đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/8/2009. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Chị và anh H đã ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 06/11/1998 hiện đã trưởng thành, có khả năng nuôi sống bản thân và Nguyễn Thành P, sinh ngày 22/6/2010, khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu P, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn với chị T nhưng chị T đã bỏ nhà đi hơn một năm nay, anh không biết chị ở đâu và cũng không có về thăm gia đình.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 06/11/1998 hiện đã trưởng thành, có khả năng nuôi sống bản thân và Nguyễn Thành P, sinh ngày 22/6/2010, trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là cháu P, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, anh yêu cầu Tòa án cho anh được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, cháu P trình bày: Trường hợp mẹ cháu là Trần Thị T và cha cháu là Nguyễn Thanh H ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được sống với anh H

* Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt được chính quyền địa phương xác nhận ngày 11/6/2019, Chị có ý kiến như sau: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng đối với con chung thì chị đồng ý theo nguyện vọng của cháu P. Trường hợp cháu P muốn sống với anh H thì chị không cấp dưỡng nuôi con và ngược lại. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Bị đơn anh Nguyễn Thanh H xin vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 22/6/2010 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H

+ Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

+ Về án phí: Buộc chị T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh H có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và Anh H tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của Chị T: Chị T và anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, anh H trình bày: chị T đã bỏ nhà đi hơn 01 năm nay, không có về thăm gia đình chồng con. Tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình”*. Chị và anh H không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau cùng chia sẻ công việc gia đình và Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Tại đơn xin vắng mặt ngày 11/6/2019 Trình vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh H. Xét hôn nhân của chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì anh chị không còn sống chung với nhau hơn một năm nay làm cho mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 06/11/1998 hiện đã trưởng thành, có khả năng nuôi sống bản thân và Nguyễn Thành P, sinh ngày 22/6/2010, anh H yêu cầu trực tiếp nuôi cháu P, chị T đồng ý theo nguyện vọng cháu P và cháu P có nguyện vọng sống với anh H nên Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Nguyễn Thành P cho anh H nuôi dưỡng là có cơ sở. Anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T. Ngược lại anh H cùng các thành viên gia đình anh không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị Trần Thị T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh H

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 22/6/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T. Ngược lại anh H cùng các thành viên gia đình anh không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; Về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Trần Thị T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002187 ngày 05/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu.

Nguyễn Văn Diện